

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

NGUYỄN ĐỨC BÌNH

ĐỒ GỒM SỨ THỜI TRẦN – HỒ
Ở KHU VỰC THÀNH TÂY ĐÔ

LUẬN VĂN THẠC SĨ

Chuyên ngành: Khảo cổ học

Hà Nội - 2015

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

NGUYỄN ĐỨC BÌNH

**ĐỒ GỒM SỬ THỜI TRẦN – HỒ
Ở KHU VỰC THÀNH TÂY ĐÔ**

Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Khảo cổ học

Mã số: 60 22 03 17

Người hướng dẫn khoa học:

TS. Trần Anh Dũng

Hà Nội - 2015

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	1
DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT	3
DANH MỤC BẢNG BIỂU, BẢN ĐỒ,	4
KHÔNG ẢNH, BẢN VẼ, BẢN DẠP VÀ BẢN ẢNH	4
MỞ ĐẦU.....	8
1. Lý do chọn đề tài	8
2. Mục đích nghiên cứu	9
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	9
4. Phương pháp nghiên cứu và nguồn tài liệu	10
5. Kết quả và đóng góp của luận văn	10
6. Bố cục của luận văn.....	10
Chương 1	12
TỔNG QUAN TƯ LIỆU VÀ LỊCH SỬ NGHIÊN CỨU	12
1. Vị trí địa lý Thành Tây Đô	12
1.1. Di tích Thành Nhà Hồ.....	12
1.2. Di tích đàn Nam Giao	12
2. Lịch sử hình thành di tích.....	13
2.1. Lịch sử hình thành di tích Thành Nhà Hồ	13
2.2. Lịch sử hình thành di tích đàn Nam Giao.....	15
3. Các cuộc khai quật tại khu vực Thành Tây Đô	16
3.1. Các cuộc khai quật tại di tích Thành Nhà Hồ	16
3.1.1.Khu vực Nền Vua.....	17
3.1.2. Khu vực Cửa Nam.....	18
3.1.3. Khai quật khu vực La Thành, năm 2010.....	19
3.1.4. Khai quật công trường khai thác đá cổ núi An Tôn.....	19
3.1.5. Khai quật di tích Cồn Mả, năm 2011	19
3.1.6. Khai quật di tích Gò Ngục năm 2011	20
3.2. Các cuộc khai quật tại di tích đàn Nam Giao	20
3.2.1. Đợt khai quật lần thứ nhất, năm 2004.....	20
3.2.2. Đợt khai quật lần thứ hai, năm 2007.....	21
3.2.3. Đợt khai quật lần thứ 3, năm 2008 - 2009	21
3.2.4. Đợt khai quật lần thứ tư, năm 2009 - 2010	22
3.2.5. Đợt khai quật lần thứ 5, năm 2012.....	23
Tiểu kết chương 1	24
Chương 2.....	25
GÓM SÚ THỜI TRẦN – HỒ Ở KHU VỰC THÀNH TÂY ĐÔ	25
2.1. NHỮNG ĐỒ GÓM SÚ CÒN NHẬN ĐƯỢC DÁNG.....	25
2.1.1. BÁT.....	26
2.1.1.1. Bát loại 1 (L1)	26
2.1.1.2. Bát loại 2	37

2.1.1.3. Bát loại 3	38
2.1.1.4. Bát loại 4	39
2.1.2. ĐĨA	43
2.1.2.1. Đĩa Loại 1	44
2.1.2.2. Đĩa Loại 2	48
2.1.2.3. Đĩa Loại 3	48
2.1.2.4. Đĩa Loại 4	51
2.1.3. BÌNH	52
2.1.4. BÌNH VÔI	52
2.1.5. CHẬU	53
2.1.6. CỐC	53
2.1.7. LIỄN	55
2.1.8. LỌ	55
2.1.9. ẤU	56
2.2. MẢNH VỠ	57
2.2.1. Mảnh miệng	57
2.2.2. Mảnh thân	60
2.2.3. Mảnh đáy - đế	61
2.3. Tiểu kết chương 2	64
Chương 3	68
ĐẶC TRƯNG ĐỒ GÓM SỨ	68
THỜI TRẦN – HỒ Ở KHU VỰC THÀNH TÂY ĐÔ	68
3.1. Đặc trưng về số lượng và tỷ lệ	68
3.2. Đặc trưng về tạo dáng	68
3.3. Đặc trưng về loại hình	69
3.3.1. Đặc trưng của loại hình bát	69
3.3.2. Đặc trưng của loại hình đĩa	73
3.3.3. Đặc trưng của loại hình khác	75
3.4. Đặc trưng về hoa văn trang trí	77
3.4.1. Hoa văn trang trí trên đồ gốm còn dáng	77
3.4.2. Hoa văn trang trí trên mảnh vỡ	82
3.6.1. Kỹ thuật tạo dáng	88
3.6.2. Kỹ thuật tạo hoa văn	88
3.6.3. Kỹ thuật chống dính men	89
Tiểu kết chương 3	90
KẾT LUẬN	92
TÀI LIỆU THAM KHẢO	93
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT

08.TNH.H1.MR1.L1: Gm01	Năm 2008, Thành Nhà Hồ, Hồ 1 mở rộng 1, Lớp 1, hiện vật gồm men số 01.
09.NGTH.H31.L3: 60	Năm 2009, Nam Giao Thanh Hóa, Hồ 31, Lớp 3, hiện vật số 60.
Ba	Bản ảnh
BKTT	Bản kĩ toàn thư
BT	Bảo tàng
BTLSVN	Bảo tàng lịch sử Việt Nam
Bv	Bản vẽ
c	cao
ĐHQG HN	Đại Học Quốc Gia Hà Nội
ĐVSKTT	Đại Việt sử kí toàn thư
Đkđ	Đường kính đáy
Đkm	Đường kính miệng
h	hình
KCH	Khảo cổ học
KHXXH	Khoa học xã hội
KL	Kim Lan
L1	Loại 1
L1K1	Loại 1 kiểu 1
NPHMVKCH	Những phát hiện mới về khảo cổ học
Nxb	Nhà xuất bản
PGS.TS	Phó Giáo sư Tiến sĩ
q.	quyển
tr.	trang
VC	Văn Cao
VHTT	Văn hoá - Thông tin
VHTT&DL	Văn hóa, Thể thao và Du lịch

**DANH MỤC BẢNG BIỂU, BẢN ĐỒ,
KHÔNG ẢNH, BẢN VẼ, BẢN DẠP VÀ BẢN ẢNH**

BẢNG THỐNG KÊ

Bảng 01:	Thống kê tổng hợp đồ gốm men thời Trần – Hồ khai quật tại khu vực Tây Đô
Bảng 02:	Thống kê tổng hợp đồ gốm men thời Trần – Hồ khai quật di tích đàn Nam Giao
Bảng 03:	Thống kê tổng hợp đồ gốm men thời Trần – hồ khai quật Thành Nhà Hồ và các di tích xung quanh.
Bảng 04:	Thống kê đồ gốm còn dáng thời Trần – hồ khai quật tại khu vực Tây Đô
Bảng 05:	Thống kê đồ gốm mảnh vỡ thời Trần – hồ khai quật tại khu vực Tây Đô
Bảng 06:	Thống kê các loại hình bát còn dáng
Bảng 07:	Thống kê các loại hình đĩa còn dáng
Bảng 08:	Thống kê hoa văn trang trí trên thành bát còn dáng
Bảng 09:	Thống kê hoa văn trang trí trên thành đĩa còn dáng
Bảng 10:	Thống kê tổng hợp hoa văn trên mảnh vỡ
Bảng 11:	Thống kê hoa văn trang trí trên mảnh miệng
Bảng 12:	Thống kê hoa văn trang trí trên mảnh miệng cắt khắc cánh hoa
Bảng 13:	Thống kê hoa văn trang trí trên mảnh miệng không cắt khắc cánh hoa
Bảng 14:	Thống kê hoa văn trang trí trên mảnh thân
Bảng 15:	Thống kê hoa văn trang trí trên mảnh đáy
Bảng 16:	Thống kê tổng hợp kỹ thuật chống dính men trên đồ gốm thời Trần – Hồ khu vực thành Tây Đô
Bảng 17:	Thống kê kỹ thuật chống dính men trên bát còn dáng
Bảng 18:	Thống kê kỹ thuật chống dính men trên đĩa còn dáng
Bảng 19:	Thống kê kỹ thuật chống dính men trên mảnh đế
Bảng 20:	Thống kê các loại hình chân đế bát còn dáng
Bảng 21:	Thống kê các loại hình chân đế trên mảnh vỡ

BẢN ĐỒ

Bản đồ 1:	Bản đồ hành chính nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
Bản đồ 2:	Bản đồ hành chính tỉnh Thanh Hóa

Bản đồ 3:	Bản đồ hành chính huyện Vĩnh Lộc
Bản đồ 4:	Các di tích Thành Nhà Hồ, Nam Giao và Ly Cung ở Thanh Hoá
Bản đồ 5:	Bản đồ vị trí 3 vòng thành của Thành Nhà Hồ

SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1:	Thành Nhà Hồ, Nam Giao và một số di tích thời Trần-Hồ khác ở huyện Vĩnh Lộc
Sơ đồ 2:	Vị trí các hố khai quật và thám sát tại Nam Giao lần thứ nhất năm 2004
Sơ đồ 3:	Sơ đồ vị trí các hố khai quật đàn Nam Giao từ 2007 - 2012
Sơ đồ 4:	Mặt bằng đàn Nam Giao
Sơ đồ 5:	Mặt bằng hiện trạng Thành Nhà Hồ
Sơ đồ 6:	Vị trí các hố khai quật tại Thành Nhà Hồ lần thứ nhất năm 2004
Sơ đồ 7:	Vị trí các hố khai quật khu vực Cửa Nam Thành Nhà Hồ năm 2008

KHÔNG ẢNH

Không ảnh 1:	Vị trí của các di tích Thành Nhà Hồ, Nam Giao, Ly Cung và Tp Thanh Hóa
Không ảnh 2:	Vị trí của các di tích Thành Nhà Hồ, Nam Giao, Ly Cung
Không ảnh 3:	Vị trí Thành Nhà Hồ và Đàn Nam Giao
Không ảnh 4:	Hiện trạng Thành Nhà Hồ nhìn từ trên cao
Không ảnh 5:	Vị trí di tích Đàn Nam Giao
Không ảnh 6:	Hiện trạng di tích Đàn Nam Giao nhìn từ trên cao

BẢN VẼ

Bản vẽ	Tên bản vẽ
Bản vẽ 1:	Bát L1K1
Bản vẽ 2:	Bát L1K1 (h1-h2), Bát L1K2 (h3-h4)
Bản vẽ 3:	Bát L1K2
Bản vẽ 4:	Bát L1K3 (h1-h3), Bát L1K4 (h4)
Bản vẽ 5:	Bát L1K 5 (h1), Bát L1K6 (h2-h6)
Bản vẽ 6:	Bát L1K7 (h1), Bát L1K8 (h2-h3), Bát L1K9 (h4-h5)
Bản vẽ 7:	Bát L1K10 (h1-h4), Bát L1K11 (h5-h6)
Bản vẽ 8:	Bát L1K11 (h1), Bát L1K12 (h2), Bát L1K13 (h3-h4)
Bản vẽ 9:	Bát L1K13 (h1-h2), Bát L2 (h3), Bát L3K1 (h4)
Bản vẽ 10:	Bát L3K1 (h1-h3), Bát L3K2 (h4-h5)

Bản vẽ 11:	Bát L4K1 (h1), Bát L4K2 (h2), Bát L4K3 (h3), Bát L4K4 (h4)
Bản vẽ 12:	Bát L4K5 (h1-h5), Bát L4K6 (h6), Bát L4K7 (h7), Bát L4K8 (h8)
Bản vẽ 13:	Đĩa L1K1 (h1-h3), Đĩa L1K2 (h4-h5), Đĩa L1K3 (h6), Đĩa L1K4 (h7)
Bản vẽ 14:	Đĩa L1K5 (h1), Đĩa L1K6 (h2), Đĩa L1K7 (h3), Đĩa L1K8 (h4), Đĩa L1K9 (h5), Đĩa L1K10 (h6)
Bản vẽ 15:	Đĩa L2 (h1), Đĩa L3K1 (h2-h6)
Bản vẽ 16:	Đĩa L3K2 (h1-h2), Đĩa L3K3 (h3-h4), Đĩa L3K4 (h5), Đĩa L4 (h6-h7)
Bản vẽ 17:	Bình (h1), Chậu hoa nâu (h2)
Bản vẽ 18:	Bình vôi (h1-h2), Cốc L1 (h3-h5)
Bản vẽ 19:	Cốc L2 (h1-h2), Liễn (h3), Lọ (h4), Ấu (h5)
Bản vẽ 20:	Mảnh đế trang trí hoa văn

BẢN ẢNH

Bản ảnh 01 -08	Bát L1K1
Bản ảnh 09:	Bát L1K2
Bản ảnh 10:	Bát L1K2
Bản ảnh 11:	Bát L1K3
Bản ảnh 12:	Bát L1K4
Bản ảnh 13:	Bát L1K4 (h1), L1K5 (h2), L1K6 (h3)
Bản ảnh 14:	Bát L1K6
Bản ảnh 15:	Bát L1K6 (h1-h2); Bát L1K7 (h3)
Bản ảnh 16:	Bát L1K8 (h1), Bát L1K9 (h2-h3)
Bản ảnh 17:	Bát L1K10 (h1-h3); Bát L1K11 (h4)
Bản ảnh 18:	Bát L1K11
Bản ảnh 19:	Bát L1K11
Bản ảnh 20:	Bát L1K12
Bản ảnh 21:	Bát L1K13
Bản ảnh 22:	Bát L1K13 (h1); Bát L2 (h2), Đĩa trang trí hoa lá cúc (h3-4)
Bản ảnh 23:	Bát L3K1
Bản ảnh 24:	Bát L3K1
Bản ảnh 25:	Bát L3K2
Bản ảnh 26:	Bát L4K1 (h1), Bát L4K2 (h2), Bát L4K3 (h3)
Bản ảnh 27:	Bát L4K4 (h1), Bát L4K5 (h2-h4)
Bản ảnh 28:	Bát L4K5
Bản ảnh 29:	Bát L4K6 (h1-h2), Bát L4K7 (h3), Bát L4K8 (h4)
Bản ảnh 30:	Đĩa L1K1 (h1-h3), Đĩa L1K2 (h4)
Bản ảnh 31:	Đĩa L1K2 (h1-h2), Đĩa L1K3 (h3), Đĩa L1K4 (h4)

Bản ảnh 32:	Đĩa L1K5 (h1), Đĩa L1K6 (h2), Đĩa L1K7 (h3), Đĩa L1K8 (h4)
Bản ảnh 33:	Đĩa L1K9 (h1), Đĩa L1K10 (h2), Đĩa L2 (h3), Đĩa L3K1 (h4-h5)
Bản ảnh 34:	Đĩa L3K1
Bản ảnh 35:	Đĩa L3K1 (h1-h2) Đĩa L3K2 (h3-h4)
Bản ảnh 36:	Đĩa L3K3
Bản ảnh 37:	Đĩa L3K4 (h1), Đĩa L4 (h2-h3), Bình (h4), Chậu (h5)
Bản ảnh 38:	Bình vôi (h1), Cốc Loại 1 (h2-h3)
Bản ảnh 39:	Cốc L2
Bản ảnh 40:	Cốc L2 (h1-h2), Liễn (h3)
Bản ảnh 41:	Lọ
Bản ảnh 42:	Ấu
Bản ảnh 43:	Mảnh miệng trang trí mô típ bồ ô chia khoảng ở thành trong
Bản ảnh 44:	Mảnh miệng trang trí mô típ cạo lõm cánh cúc ở thành ngoài
Bản ảnh 45:	Mảnh miệng trang trí cúc tia (h1-h2), gân lá sen (h3), màu nâu vàng (h4), hoa lá thành trong (h5-h8), men trắng vẽ lam (h9-10)
Bản ảnh 46:	Mảnh thân trang trí hoa văn: Bồ ô chia khoảng (h1), hoa lá (h2 – h4), hoa nâu (h5), men trắng vẽ lam (h6)
Bản ảnh 47:	Mảnh đế trang trí hoa văn: Cạo lõm thành ngoài (h1-h2), giọt men chảy (h3-h5), bồ ô chia khoảng (h6-h8)
Bản ảnh 48:	Mảnh đế trang trí hoa văn bồ ô chia khoảng
Bản ảnh 49:	Mảnh đế trang trí hoa văn bồ ô chia khoảng
Bản ảnh 50:	Mảnh đế trang trí hoa văn cúc tia
Bản ảnh 51:	Mảnh đế trang trí hoa văn cúc tia (h1-h3), hoa cúc (h4-h6)
Bản ảnh 52:	Mảnh đế trang trí hoa cúc (h1-h4), hoa lá (h5-h6)
Bản ảnh 53:	Mảnh đế trang trí hoa sen
Bản ảnh 54:	Mảnh đế trang trí gân lá sen
Bản ảnh 55:	Mảnh đế trang trí gân lá sen
Bản ảnh 56:	Mảnh đế trang trí hình rùa
Bản ảnh 57:	Mảnh đế gồm hoa nâu (h1), men trắng vẽ lam (h2-h4), gồm tróc men (h5)

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

1.1. Thành Tây Đô là tên gọi khác của Thành Nhà Hồ, một di tích kinh đô lớn, điển hình trong lịch sử kinh thành Việt Nam. Thành Tây Đô là nơi chứng kiến các biến động xã hội sâu sắc giai đoạn cuối thế kỷ XIV đầu thế kỷ XV như sự chuyển giao quyền lực từ vương triều Trần sang vương triều Hồ, những cải cách trên các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục... nhằm khắc phục sự khủng hoảng của chế độ quân chủ nhà Trần, củng cố chính quyền trung ương, chuẩn bị mọi mặt để đối đầu với các thế lực thù trong, giặc ngoài (quân Minh ở phía Bắc và Champa ở phía Nam). Như vậy có thể thấy vương triều Hồ và Thành Tây Đô mà vương triều này để lại có vị trí vô cùng quan trọng trong tiến trình lịch sử Việt Nam. Đó là những đề tài hấp dẫn cho nhiều nhà nghiên cứu với các công trình như sách, báo, tạp chí, luận văn, luận án và nhiều chuyên luận khác. Tuy nhiên, những đồ gốm sứ khai quật được tại Thành Tây Đô thì chưa được tập hợp và hệ thống hóa trong một công trình nào.

1.2. Khu vực Thành Tây Đô đã được khai quật nhiều đợt và diện tích lớn. Các cuộc khai quật tại đây diễn ra suốt từ năm 2004 đến năm 2012, với tổng diện là 21.638,5m². Qua các đợt khai quật, nhiều di tích kiến trúc, nhiều di vật như vật liệu kiến trúc, trang trí kiến trúc đã được phát hiện. Đặc biệt là đồ gốm sứ được tìm thấy với số lượng lớn. Đây là nguồn tư liệu phong phú, chân thực, đáng tin cậy được lấy lên từ lòng đất và có tính khả thi, để tác giả sử dụng viết luận văn này.

1.3. Những đồ gốm sứ được khai quật từ khu vực Thành Tây Đô vẫn chưa được hệ thống hóa, hay đề cập đến trong một chuyên luận nào. Các di vật này mới chỉ được trình bày một cách lẻ tẻ trong các báo cáo khai quật, thông báo khoa học, khiến cho việc nhìn nhận đồ gốm sứ phát hiện được ở đây thiếu toàn diện. Do vậy, một công trình tập hợp, hệ thống hóa các di vật này là cần thiết.

1.4. Bản thân tác giả đã trực tiếp tham gia khai quật, chỉnh lý hiện vật tại đây nên có cơ hội nghiên cứu các di tích, di vật, đặc biệt là đồ gốm sứ. Không ít lần tác giả tự hỏi: Vương triều Hồ với thời gian tồn tại không dài (7 năm), trong khi đó lại phải lo giải quyết nhiều vấn đề lớn về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... liệu có

khả năng tạo nên một bản sắc văn hóa riêng hay không? có phát triển kế tục văn hóa thời Lý – Trần hay không? và việc tìm hiểu đồ gốm sứ ở khu vực Thành Tây Đô có là một hướng để tìm hiểu văn hóa nghệ thuật Lý – Trần ở giai đoạn cuối hay không?

Chính vì những lý do trên, cùng với sự gợi ý của PGS.TS Tống Trung Tín và TS. Trần Anh Dũng tôi quyết định lựa chọn đề tài: ***Đồ gốm sứ thời Trần – Hồ ở khu vực Thành Tây Đô*** làm đề tài nghiên cứu.

2. Mục đích nghiên cứu

2.1. Hệ thống hóa các tư liệu và những kết quả nghiên cứu về đồ gốm sứ thời Trần – Hồ tại khu vực Thành Tây Đô.

2.2. Phân loại, phân tích, so sánh, đánh giá các loại hình đồ gốm sứ nhằm đưa ra các đặc điểm và đặc trưng đồ gốm sứ thời Trần – Hồ ở khu vực Thành Tây Đô.

2.3. Góp phần tìm hiểu tiến trình phát triển của gốm sứ Việt Nam nói chung và thời Trần – Hồ nói riêng.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là các loại hình đồ gốm sứ Việt Nam thời Trần – Hồ đã xuất lộ trong các cuộc khai quật ở khu vực Thành Tây Đô. Ngoài ra còn đối chiếu, so sánh với các sưu tập gốm sứ có liên quan ở một số địa phương như Hà Nội, Bắc Giang, Tuyên Quang và Yên Bái...

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về không gian, phạm vi nghiên cứu của luận văn là khu vực Thành Tây Đô bao gồm các địa điểm đã được khai quật như: Cửa Nam, Nền Vua, Cồn Mả - Gò Ngục và đàn Nam Giao.

Về thời gian là quá trình tồn tại của vương triều Trần và vương triều Hồ (1225 – 1407). Ngoài ra các di tích như Văn Cao, Kim Lan (Hà Nội), Đền Trần (Nam Định), Bùi Bền (Bắc Giang) và một số tỉnh ở vùng núi phía Bắc như Hà Giang, Tuyên Quang, Yên Bái... là nơi xuất lộ những sưu tập gốm sứ quan trọng sẽ được đề cập tới nhằm có được cái nhìn bao quát hơn về đồ gốm sứ thời Trần, cố gắng chỉ ra các đặc trưng của đồ gốm sứ thời Hồ.

4. Phương pháp nghiên cứu và nguồn tài liệu

Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu khảo cổ học như: khai quật và lấy tư liệu tại hiện trường, điều tra, điền dã, chỉnh lý hiện vật... cũng như các kỹ thuật nghiên cứu khảo cổ học trong phòng: thống kê, đo, vẽ, chụp ảnh... Đồng thời triệt để sử dụng các phương pháp so sánh đối chiếu, phân tích tổng hợp về kỹ thuật sản xuất, chất liệu và mối quan hệ giữa các di tích.

Luận văn sử dụng phương pháp Duy vật biện chứng và Duy vật lịch sử trong nhìn nhận đánh giá các mối quan hệ liên quan tới sự phát triển của đồ gốm sứ thời Trần – Hồ khu vực Thành Tây Đô.

Nguồn tư liệu là các di vật gốm sứ thu thập qua các cuộc khai quật tại khu vực Thành Tây Đô. Luận văn cũng khai thác so sánh với một số nguồn tư liệu gồm sứ thời Lý - Trần - Hồ khai quật tại các địa phương: Hà Nội, Nam Định, Bắc Giang và một số tỉnh ở vùng núi phía Bắc như Hà Giang, Tuyên Quang, Yên Bái.... Ngoài ra có các tư liệu thành văn như: báo cáo khai quật, các công trình nghiên cứu, bài viết, thông báo khoa học của các nhà nghiên cứu, các tài liệu cổ sử, tài liệu dân tộc học có liên quan đến gốm sứ.

5. Kết quả và đóng góp của luận văn

- Tập hợp và hệ thống hóa tư liệu nghiên cứu về đồ gốm sứ khu vực Thành Tây Đô;
- Phân loại, thống kê các loại hình đồ gốm sứ được khai quật tại khu vực Thành Tây Đô.
- Nêu ra được những đặc trưng về loại hình, kỹ thuật tạo dáng, kỹ thuật tạo hoa văn, mô típ trang trí, kỹ thuật nung của đồ gốm sứ phát hiện được ở khu vực Thành Tây Đô.

6. Bố cục của luận văn

Ngoài phần mở đầu, Luận văn gồm có 3 chương:

Chương 1: Tổng quan tư liệu và lịch sử nghiên cứu.

Chương 2: Gốm sứ thời Trần – Hồ khu vực Thành Tây Đô.

Chương 3: Đặc trưng gốm sứ thời Trần – Hồ khu vực Thành Tây Đô.

Kết luận.

Ngoài ra, trong Luận văn còn có các phần: Lời cam đoan, danh mục các ký hiệu và chữ viết tắt, tài liệu tham khảo, danh mục phụ lục gồm: các bảng thống kê, phân loại, các bản vẽ và bản ảnh minh họa.

-----***-----

Để hoàn thành luận văn này ngoài sự nỗ lực của bản thân trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học, tôi còn nhận được sự giúp đỡ chỉ bảo của thầy cô, các nhà khoa học, các đồng nghiệp và sự động viên của gia đình!

Tự đáy lòng mình tôi biết ơn sâu sắc sự chỉ bảo tận tình của TS. Trần Anh Dũng người trực tiếp hướng dẫn tôi, người cho tôi những ý tưởng và tư duy khoa học, người chỉnh sửa cho tôi từng câu chữ!

Xin cảm ơn PGS.TS Tống Trung Tín đã có những gợi mở vô cùng quý báu về mặt khoa học, sự quan tâm, giúp đỡ tôi trong suốt quá trình công tác tại Viện Khảo cổ học cũng như quá trình thực hiện luận văn!

Những trang bị về kiến thức cơ bản, phương pháp nghiên cứu của các thầy cô trong khoa Lịch sử trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội, đặc biệt là các thầy cô trong Bộ môn Khảo cổ học mãi là hành trang cho tôi trong suốt sự nghiệp và cuộc sống của mình!

Chân thành cảm ơn các nhà khoa học, các đồng nghiệp tại viện Khảo cổ học đã quan tâm, giúp đỡ tôi, cho tôi một môi trường làm việc tốt!

Xin chân thành cảm ơn Bảo tàng tỉnh Thanh Hóa, Trung tâm Bảo tồn di sản Thành Nhà Hồ, Bảo tàng tỉnh Nam Định, Bảo tàng xã Kim Lan, phòng Văn hóa Thông tin huyện Vĩnh Lộc, huyện Hà Trung và toàn thể bà con Nhân dân xung quanh khu vực di tích đã tạo điều kiện cho tôi trong quá trình thu thập tài liệu!

Và cuối cùng là gia đình tôi, nơi tôi sinh ra và lớn lên, nơi tôi nhận được tình yêu thương đùm bọc từ bố, mẹ, em gái và vợ tôi. Đó là chỗ dựa vững chắc trong suốt cuộc đời tôi!

Tôi ý thức rằng mình luôn phải cố gắng để đền đáp những công ơn to lớn đó!

Chương 1

TỔNG QUAN TƯ LIỆU VÀ LỊCH SỬ NGHIÊN CỨU

1. Vị trí địa lý Thành Tây Đô

1.1. Di tích Thành Nhà Hồ

Thành Nhà Hồ là tên gọi phổ biến nhất hiện nay cho tòa thành đá nằm giữa 4 thôn: Tây Giai, Xuân Giai, Thượng Giai và Đông Môn thuộc 2 xã Vĩnh Long và Vĩnh Tiến (huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá). Ngoài ra Thành còn có một số tên khác như: thành An Tôn, Tây Đô, Tây Kinh, Tây Giai, Thạch Thành...[117, tr. 65-70; 79, tr. 23; 99, tr. 20]

Di tích có tọa độ địa lý khoảng $20^{\circ}04'06''$ đến $20^{\circ}05'01''$ vĩ độ Bắc và $105^{\circ}26'23''$ đến $105^{\circ}37'00''$ kinh độ Đông.

Thành nằm trên đường 217 từ Vĩnh Lộc đi Cẩm Thủy, Bá Thước... cách thị trấn Vĩnh Lộc khoảng 1km về phía Đông Nam, cách di tích đền Nam Giao khoảng 2,5km, cách di tích Ly Cung khoảng 25km.

Thành được xây dựng trên khu đất trũng và bằng phẳng, xung quanh có nhiều núi sông bao bọc: phía Bắc thành có núi Thổ Tượng (Voi đất), phía Nam có núi Đồn Sơn, phía Đông có núi Hắc Khuyển (Chó đen) và sông Bưởi, phía Tây và Tây Nam được bao bọc bởi dãy núi Ngưu Ngọ (Trâu nằm), An Tôn và sông Mã.

1.2. Di tích đền Nam Giao

Đền Nam Giao là một trong số thành phần kiến trúc quan trọng trong tổng thể kiến trúc Thành Tây Đô. Di tích nằm ở núi Đồn Sơn (dân địa phương quen gọi là núi Đún). Đồn Sơn là một quả núi dài, có hai đỉnh, thuộc địa phận xã Vĩnh Thành, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Đền Nam Giao đã được chọn đặt ở khu vực giữa của hai đỉnh này. Chính vì vậy, đền tế Nam Giao của nhà Hồ chỉ có 3 là mặt Đông, Tây và Nam (mặt phía Bắc tựa núi). Xây dựng đền Nam giao trên núi là một sự khác biệt của nhà Hồ so với các vương triều trước đó.

Di tích nằm trong khu vực La thành của Thành Nhà Hồ, có tọa độ địa lý $20^{\circ}3'50''$ vĩ độ Bắc và $105^{\circ}37'40''$ kinh độ Đông.

Đàn Nam Giao cách Thành Nhà Hồ khoảng 2,5km về phía Tây Bắc, cách đường 217 khoảng 500m về phía Đông, cách di tích Ly Cung khoảng 25km về phía Đông Nam, cách sông Mã khoảng 1km về phía Đông, cách sông Bưởi khoảng 1km.

Diện tích khu vực đàn Nam Giao khoảng 2ha với 4 cấp nền. Tiếp giáp khu vực này về phía Nam là các thửa ruộng trồng lúa thuộc cánh đồng Nam Giao có độ cao 10,5m so với mực nước biển.

2. Lịch sử hình thành di tích

2.1. Lịch sử hình thành di tích Thành Nhà Hồ

Thành Tây Đô được hình thành trong bối cảnh lịch sử xã hội thời Trần đang lâm vào khủng hoảng trầm trọng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội và ngoại giao. Trong bối cảnh ấy Hồ Quý Ly – một đại thần nhà Trần đã quyết đoán trong việc xây dựng kinh đô mới tại vùng đất An Tôn – phủ Thanh Hóa (nay là huyện Vĩnh Lộc tỉnh Thanh Hóa). Điều này đã được ghi chép trong một số tài liệu cổ sử như: *Đại Việt sử ký toàn thư; Lịch triều hiến chương loại chí, Đại Nam nhất thống chí, Phương Đình dư địa chí, Sử học bị khảo...*

Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* chép: “*Đình sưu năm thứ 10 (1397). Mùa xuân, tháng giêng, sai Lại bộ thượng thư kiêm Thái sử lệnh Đỗ Tĩnh đi xem đất ở động An Tôn phủ Thanh Hoá, đắp thành đào hào, lập Miếu nền Xã, mở đường phố, có ý muốn dời kinh đô đến đấy, 3 tháng làm xong*” [46, tr. 715].

Cũng trong năm 1397 “*Mùa đông, tháng 11, Quý Ly bức vua rời đô đến phủ Thanh Hoá*” [46, tr. 718].

Và “*Sai Hành khiển đồng tri Đại tông chính tự là Lương Nguyên Bưu dỡ gạch ngói, gỗ lớn ở các cung điện Thụy Chương, Đại An giao hết cho các châu Từ Liêm và Nam Sách chở tới kinh đô mới, gặp bão chìm đắm mất quá nửa*” [46, tr. 719].

Năm “*Kỉ mao (1399)...Tháng 9...Sai Trần Ninh đốc suất người phủ Thanh Hoá trồng tre gai ở phía Tây thành, phía Nam từ Đốn Sơn, phía Bắc từ An Tôn đến tận cửa Bào Đàm, phía Tây từ chợ Khả Lãng ở Vực Sơn đến sông Lỗ Giang, vây bọc làm la thành, nhân dân ai lấy trộm măng thì xử tử*” [46, tr. 726].

Năm “*Canh thìn (1400)...Tháng 2, ngày 28, Lê Quý Ly bức vua nhường ngôi và buộc người tôn thất và các quan ba lần dâng biểu khuyên lên ngôi. Quý Ly giả vờ cố tình từ chối nói: “Ta sắp xuống lỗ đến nơi rồi, còn mặt mũi nào trông thấy tiên đế dưới đất nữa?” Rồi tự lập làm vua, đặt niên hiệu là Thánh Nguyên, quốc hiệu là Đại Ngu, đổi thành họ Hồ*” [46, tr. 727].

Sách **Đại Nam nhất thống chí**, mục CỒ TÍCH có đoạn: “*Thành nhà Hồ: Sử chép là đô thành cũ của Hồ Quý Ly cũng gọi là thành Tây Đô, ở các xã Tây Giai, Xuân Giai, Phương Giai huyện Vĩnh Lộc, bốn mặt đều xây đá xanh, mỗi mặt dài 120 trượng, cao 1 trượng 2 thước. Lại xây một con đường lát đá hoa từ cửa Nam suốt đến đàn Nam Giao ở Đón Sơn phía ngoài thành. Mặt nam thành xây cửa ba tầng bằng đá, như cửa Châu Tước ở thành Thăng Long, còn về mặt đông, mặt bắc và mặt tây đều mở một cửa xây đá; quanh các cửa đều xây bằng đá xanh; thành xây bằng gạch vuông dày và rắn; dưới chân thành có hào ở ngoài. Trong thành ước hơn 300 mẫu, nay đều là ruộng, chỗ nào trũng thấp là hồ ao. Tả hữu thành đều gần núi đá; phía trước thành là sông Mã. Phía ngoài thành lại đắp đất làm la thành, phía tả từ tổng Cổ Biện, phía đông qua các xã Bút Sơn và Cổ Diệp theo ven sông Bảo chạy về nam đến núi Đón Sơn; phía hữu từ tổng Quan Hoàng huyện Cẩm Thủy theo ven sông Mã chạy về đông thẳng đến núi Yên Tôn mấy vạn trượng; nay đều đổ nát, dân sở tại vỡ làm ruộng*” [71, tr. 238].

Sách **Lịch triều hiến chương loại chí** chép: “*Cuối đời Trần, Hồ Quý Ly dời kinh đô đến động An Tôn, huyện Vĩnh Phúc gọi là Tây Đô, đắp thành đào hào, nền móng bền vững. Bên tả bên hữu thành, gần sát núi đá, sông Mã, sông Lương hợp lại chảy về phía trước. Triều thần khi ấy là [Nguyễn] Nhữ Thuyết cho rằng chỗ đất ấy ở về cuối nước đầu núi, can Quý Ly không nên đóng đô ở đây. Nhưng Quý Ly không nghe. Rồi sau hai cha con họ Hồ bị quân Minh bắt được, thành ấy phải bỏ*” ... [11, tr. 40].

Sách **Sử học bị khảo**: “*Nói về mặt đô hội thì Thành Nhà Hồ không rộng rãi, bằng phẳng bằng Thăng Long, mà nói về mặt hình thế thì Thăng Long không hiểm cố bằng Thanh Hóa. Cho nên lập đô dựng nước, ngoài Thăng Long ra có lẽ không đâu hợp bằng Thanh Hóa*” [99, tr. 6]

Như vậy, các nguồn tài liệu trên đây đã cung cấp khá đầy đủ các thông tin cơ bản về Thành Tây Đô: Niên đại xây dựng (1397), người chủ trương xây dựng là Hồ Quý Ly, người thực hiện là Đỗ Tĩnh, vị trí xây dựng là vùng đất động An Tôn, phủ Thanh Hóa – nay là huyện Vĩnh Lộc tỉnh Thanh Hóa.

2.2. Lịch sử hình thành di tích đền Nam Giao

Sau khi hoàn thành các công việc xây dựng cơ bản, Thành Nhà Hồ còn có nhiều lần được tu bổ và hoàn thiện. Trong đó việc xây dựng đền Nam Giao là một công việc quan trọng không thể thiếu của một kinh đô. Việc này được con trai của Hồ Quý Ly là Hồ Hán Thương thực hiện vào năm 1402. Sự kiện này được sách ***Đại Việt sử ký toàn thư*** của Ngô Sĩ Liên cho biết: “*Nhâm Ngọ (1402),...Tháng 8, Hán Thương đắp đền Giao ở Đón Sơn để làm lễ tế Giao; Đại xá cho thiên hạ. Ngày hôm tế, Hán Thương ngồi kiệu Vân Long do cửa nam đi ra...*” [46, tr. 733]

Sự kiện này còn được nhắc lại trong sách ***Khâm định Việt sử Thông giám Cương mục*** (thế kỷ XIX) như sau: “*Nhâm Ngọ (1402). Hán Thương, năm Thiệu Thành thứ 2. Tháng 8, mùa thu, Hán Thương cử hành lễ tế Giao...Theo phép cũ, nghi vệ lễ tế Giao rất long trọng, chia ra ba hạng lễ là: lễ Lớn, lễ Trung bình và lễ Nhỏ...Lễ tế Giao này suốt đời nhà Trần chưa cử hành lần nào, đến nay Hán Thương mới đắp đền Giao ở đón Sơn, chọn ngày lành, đi xe vân long, ra cửa Nam thành, trăm quan và cung tần, mạng phụ theo thứ tự đi sau...*”. [39, tr. 712 - 714]

Sách ***Đại Nam nhất thống chí*** (thế kỷ XIX) , trong mục CỔ TÍCH cũng có ghi: “*Giao đàn cũ nhà Hồ: ở phía Nam trên đỉnh núi Đón Sơn thuộc xã Cao Mật huyện Vĩnh Lộc, do Hồ Quý Ly xây dưới đàn có giếng tắm, xây đá làm thành, do Hồ Hán Thương xây, di tích vẫn còn*” [71, tr. 238]

Và “*Núi Đón Sơn: ở cách huyện Vĩnh Lộc 13 dặm về phía Tây - Bắc; mạch núi từ núi Yên Tôn, qua các núi Thọ Đồn và Phú Sơn kéo đến, nổi vọt lên hai ngọn...*” [71, tr. 226].

Tác giả Lưu Công Đạo trong cuốn ***Thanh Hóa tỉnh, Vĩnh Lộc huyện chí*** ghi: “*Núi Đón Sơn (Đún Sơn) ở địa phận xã Cao Mật, núi từ các núi An Tôn kéo qua Thọ Đồn, Phú Sơn mà đến. Khởi vọt lên hai ngọn, tựa hình chiếc kiếm, một ngọn tựa hình cây cung...Ở phía Đông núi có đàn tế Nam Giao, có giếng Ngự Dục (Ngự*

Duyên), xếp đá làm thành, bộ cấp uy nghiêm, đều là di tích của Hồ Hán Thương...”
[23, tr. 31-32]

Như vậy, cũng như Thành Nhà Hồ, sự hình thành của đàn Nam Giao vào năm 1402 cũng được các nguồn tài liệu cổ sử ghi chép lại khá chi tiết.

Các nguồn tài liệu cổ sử trên đây là minh chứng quan trọng cho sự hình thành và tồn tại của Thành Tây Đô. Tuy nhiên, nguồn tài liệu này không hề ghi chép tới vấn đề đồ gốm sứ, ngoại trừ ***Đại Việt sử ký toàn thư*** chép về việc Hồ Quý Ly đánh rơi chén rượu: “*Tháng 8, Hán Thương đắp đàn Giao ở Đồn Sơn để làm lễ tế Giao, đại xá cho thiên hạ. Ngày hôm tế, Hán Thương ngồi kiệu Vân Long, do cửa Nam đi ra, ... Khi dâng chén rượu (hiển tước), tay run rượu đổ xuống đất rồi thôi...*”. [46, tr. 733 - 734]. Tuy nhiên, cũng không rõ có phải chiếc chén mà Hồ Hán Thương làm rơi khi tiến hành lễ tế có phải là cốc gốm sứ hay không? Như vậy, việc nghiên cứu đồ gốm sứ ở di tích đàn Nam Giao chỉ có thể dựa vào tư liệu khai quật khảo cổ học.

Với vai trò là một kinh đô của đất nước, được hình thành trong một hoàn cảnh lịch sử đặc biệt, Thành Tây Đô đã thu hút nhiều nhà nghiên cứu trong các lĩnh vực như khảo cổ học, lịch sử, văn hóa, thành quách, kiến trúc, bảo tồn... với nhiều công trình như sách, báo, tạp chí, luận văn, luận án, các phương án bảo tồn, tôn tạo... Đặc biệt, các cuộc khai quật khảo cổ học tại đây đã cung cấp những cứ liệu vô cùng quan trọng trong việc tìm hiểu sâu hơn về Thành Tây Đô.

3. Các cuộc khai quật tại khu vực Thành Tây Đô

3.1. Các cuộc khai quật tại di tích Thành Nhà Hồ

Trước khi được tiến hành khai quật lần thứ nhất năm 2004, di tích Thành Nhà Hồ đã được các nhà khảo cổ học Pháp nghiên cứu vào những năm 1940-1950. [59, tr. 79-90; 80, tr. 24-25]. Đến đầu những năm 1970, có cuộc khảo sát thực địa khảo cổ - dân tộc học của Chu Quang Trứ [80, tr. 24-25]. Từ những năm 1970 – 2000, là giai đoạn di tích được đầu tư tu bổ, bảo tồn. [80, tr. 24-25]. Năm 1983, tác giả Đỗ Văn Ninh trong cuốn Thành cổ Việt Nam đã mô tả khá chi tiết về vị trí địa lý hiện tại và trong lịch sử của di tích, lịch sử hình thành, các tên gọi khác nhau, cấu trúc chi tiết của di tích và giá trị của kiến trúc. [60, tr. 79-90]. Những năm đầu thế kỷ

XXI di tích được tiến hành đo vẽ hiện trạng, dựng cấu trúc cửa thành với không gian ba chiều, đề ra phương án bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích. [80, tr. 24-25]

Tính đến thời điểm viết luận văn, di tích Thành Nhà Hồ đã được khai quật tại các vị trí sau:

3.1.1.Khu vực Nền Vua

Khu vực Nền Vua đã có 2 đợt khai quật vào các năm 2004 và năm 2010.

3.1.1.1. Đợt khai quật lần thứ nhất, năm 2004

Đợt khai quật này được tiến hành bởi đoàn hợp tác Việt - Nhật (Trường Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Nữ Chiêu Hoà, Nhật Bản) với diện tích khai quật là 48,5m². Kết quả đã tìm ra các nền gạch bìa và gạch vuông; Các móng trụ đất sét trộn gạch ngói vữa đầm chặt; Các móng trụ đất sét nện sỏi; Cống thoát nước xếp gạch và các lớp ngói vữa đổ nát.

Đợt khai quật cũng thu thập được 19.036 hiện vật gồm vật liệu xây dựng; gốm, sành gia dụng và kim loại.

Đồ gốm sứ phát hiện được 126 mảnh gốm sứ Việt Nam và Trung Quốc, trong đó gốm sứ thời Trần - Hồ có 52 hiện vật, thuộc các dòng men ngọc, gồm hai màu men và mảnh gốm bị tróc men, đều bị vỡ. Đồ gốm đã được thống kê theo dòng men, xuất xứ cho từng hố khai quật. [4; 80].

3.1.1.2. Đợt khai quật lần thứ hai, năm 2010

Tổng diện tích khai quật lần hai là 100m², với 2 hố khai quật. Kết quả đã tìm thấy nền kiến trúc, bó nền kiến trúc bằng đá cát, sân lát gạch vuông và cống thoát nước thời Trần – Hồ, các nền kiến trúc, trụ móng thời Lê.

Hiện vật có đồ gốm sứ, đồ sành, đồ đất nung, kim loại thuộc niên đại từ thế kỷ 14 đến thế kỷ 17. Riêng đồ gốm sứ thời Trần – Hồ có 183 hiện vật. trong số 183 hiện vật thời Trần – Hồ có 6 hiện vật còn dáng (05 bát và 01 đĩa). Còn lại là các mảnh vỡ thuộc các dòng men trắng, men ngọc, men nâu, gồm hai màu men, men xanh lá cây và men trắng vẽ lam.

Tính đến thời điểm hiện tại, ở khu vực Nền Vua đã thu được 235 hiện vật gốm sứ thời Trần – Hồ.

3.1.2. Khu vực Cửa Nam

Khu vực này cũng được khai quật 2 lần vào các năm 2008 và năm 2011.

3.1.2.1. Đợt khai quật lần thứ nhất, năm 2008

Năm 2008 Viện khảo cổ học tiến hành khai quật tại Cửa Nam với diện tích 301m². Kết quả khai quật tìm thấy rất nhiều các dấu tích kiến trúc liên quan trực tiếp tới Thành Nhà Hồ như chân móng tường đá, sân lát đá phiến, con đường đá ở cổng chính của cửa Nam, các kiến trúc này có niên đại cùng với niên đại của Thành Nhà Hồ; ngoài ra có một máng thoát nước trong cổng chính của cửa Nam có niên đại muộn hơn. Đợt khai quật đã thu được 16.600 hiện vật bao gồm các loại gạch, ngói, trang trí kiến trúc, tượng tròn, dọi xe sợi, vật liệu đá, đồ gốm sứ, đồ sành, đồ kim loại có niên đại từ thế kỷ XIV – XIX có xuất xứ Việt Nam và Trung Quốc.

Riêng đồ gốm sứ thời Trần – Hồ, đã thu được 215 hiện vật bao gồm hiện vật còn dáng như bát, đĩa, bình vôi, chậu và mảnh vỡ thuộc các dòng men ngọc, men trắng, men nâu, men xanh lá cây. [96; 79, tr. 28-38]

3.1.2.2. Đợt khai quật lần thứ hai, năm 2011

Năm 2011 khu vực Cửa Nam Thành Nhà Hồ tiếp tục được tiến hành khai quật với 5 hố, diện tích 1.500m². Cuộc khai quật đã làm xuất lộ một số di tích đã tìm thấy trong cuộc khai quật năm 2008 như: Con đường lát đá (đường Hòe Nhại), với 3 làn: làn chính giữa cổng nam và 2 làn đường phụ 2 bên nằm thấp hơn so với làn giữa khoảng 13-20cm và song song so với làn đường giữa, được lát bởi các khối đá có kích thước lớn. Nền sân kết hợp với các dữ liệu từ cuộc khai quật năm 2008 cho thấy chiều bắc nam dài 8m và đông tây dài 15,2m. Dấu tích cổng thoát nước hai bên đường đi trong cổng thành. Đặc biệt lần này tìm thấy móng lũy hình móng ngựa thời Lê Sơ - công trình quân sự mang tính phòng thủ khác nhằm bảo vệ cho Cửa Nam vào khoảng thế kỷ 16. Ngoài ra còn tìm thấy dấu vết hào thành và vọng lâu cổng thành Nam.

Về hiện vật, đã thu được 39.066 hiện vật, bao gồm các loại hình đồ đất nung, đồ gốm sứ Việt Nam, Trung Quốc, đồ sành, đồ đá và kim loại thuộc các thời kỳ Trần – Hồ, thời Lê Sơ, thời Lê Trung Hưng và thời hiện đại.